

THỰC TRẠNG ĐÓI NGHÈO VÀ GIẢI PHÁP XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO Ở VIỆT NAM

ThS HOÀNG SỸ KIM*

1. Quan niệm.

Đói nghèo là một hiện tượng xã hội tồn tại trong đời sống nhân loại, một vấn đề bức xúc, nóng bỏng của hầu hết các quốc gia trên thế giới. Vì vậy, xoá đói, giảm nghèo (XD,GN) đã, đang và sẽ còn thu hút sự quan tâm của các chính phủ, các tổ chức quốc tế.

Đói nghèo được hiểu là tình trạng một bộ phận dân cư không được hưởng và thoả mãn các nhu cầu cơ bản của con người mà những nhu cầu này được thừa nhận tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội và phong tục tập quán của từng địa phương. Đây là khái niệm đã được hội nghị về chống đói nghèo do Uỷ ban Kinh tế - Xã hội Khu vực châu Á - Thái Bình Dương (ESCAP) tổ chức tại Băng Cốc (Thái Lan) tháng 9-1993, thống nhất. Định nghĩa này đã được Việt Nam chấp nhận.

Trên cơ sở khái niệm đói nghèo trên, nước ta đã đưa ra các tiêu chí cụ thể để tính chuẩn đói nghèo, qua đó tìm ra các đối tượng trong diện đói nghèo và đưa ra chính sách XD,GN, kế hoạch chống đói nghèo phù hợp, hiệu quả. Cụ thể:

- *Giai đoạn 1993-1995*: Chuẩn đói nghèo được tính theo bình quân thu nhập đầu người quy theo số kilôgam gạo/tháng; hộ nghèo là hộ có bình quân thu nhập đầu người dưới 20 kg đối với khu vực thành thị; dưới 15 kg đối với khu vực nông thôn.

- *Giai đoạn 1996-2000*: Chuẩn nghèo cũng được tính theo bình quân thu nhập đầu người quy theo số kilôgam gạo/tháng;

hộ nghèo là hộ có thu nhập dưới 15 kg (tương đương 55.000 đồng) đối với vùng nông thôn miền núi, hải đảo; dưới 20 kg (tương đương 70.000 đồng) đối với vùng nông thôn đồng bằng, trung du; dưới 25 kg (tương đương 90.000 đồng) đối với vùng thành thị.

- *Giai đoạn 2001-2005*: Chuẩn đói nghèo được tính theo thu nhập bằng tiền; hộ nghèo là hộ có thu nhập 80.000 đồng/người/tháng đối với vùng nông thôn, miền núi, hải đảo; 100.000 đồng/người/tháng đối với vùng nông thôn, đồng bằng; 150.000 đồng/người/tháng đối với vùng thành thị.

- *Giai đoạn 2006-2010*: theo Quyết định số 170/2005/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 08-7-2005, chuẩn nghèo được quy định như sau: khu vực nông thôn, những hộ có mức thu nhập bình quân từ 200.000 đồng/người/tháng trở xuống là hộ nghèo; khu vực thành thị, những hộ có mức thu nhập bình quân từ 260.000 đồng/người/tháng trở xuống là hộ nghèo.

Sở dĩ nước ta thường xuyên thay đổi chuẩn nghèo cho các giai đoạn như vậy là vì: cùng với sự tăng trưởng, phát triển của xã hội nói chung, nhu cầu về đời sống của con người ngày càng được nâng cao; mặt khác, do sự trượt giá của đồng tiền nên sức mua giảm đã gây ảnh hưởng đến việc đáp ứng điều kiện sống cho con người. Vì vậy, tùy theo tình hình của mỗi giai đoạn phát

* Học viện Hành chính Quốc gia.

triển phải có sự điều chỉnh chuẩn nghèo sao cho hợp lý nhất nhằm phân định được mức sống của các bộ phận dân cư để tìm ra các giải pháp XD,GN phù hợp.

2. Thực trạng đói nghèo ở Việt Nam.

Theo chuẩn nghèo quốc tế, căn cứ mức thu nhập GDP/người, Việt Nam được xếp vào nhóm các nước nghèo trên thế giới. Năm 1995, thu nhập GDP/người/năm ở Việt Nam là: 288 USD; năm 1999, là 370 USD (trong khi ở Phi-lip-pin là 1.020 USD, Trung Quốc là 780 USD; mức trung bình cho các nước thu nhập thấp trên thế giới là 410 USD); năm 2000 là 402 USD; năm 2005 là 640 USD (nhưng còn thấp hơn nhiều so với khu vực và thế giới). Tính thu nhập GDP/người/năm, nước ta xếp thứ 7/11 nước ở Đông Nam Á, 37/48 nước ở châu Á và 143/186 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới. Nếu tính theo tỉ lệ đói nghèo, thì tỉ lệ nghèo đói của Việt Nam năm 1998 là 37%, năm 2000 khoảng 32% (khoảng 2,8 triệu hộ nghèo, chiếm 17,2% tổng số hộ trong cả nước; giảm 1/2 so với năm 1990), năm 2002 là 28%, đầu năm 2006 cả nước có khoảng 26-27% hộ nghèo (trong đó, thành thị chiếm 12%, nông thôn 31%; nếu tính số hộ, thì có khoảng 4,6 triệu hộ nghèo; trong đó, thành thị chiếm 552.000 hộ, nông thôn: 4.048.000 hộ).

Đói nghèo ở Việt Nam có mấy đặc điểm sau:

- Tình trạng đói nghèo ở Việt Nam mang tính chất vùng rõ rệt. Ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, tỉ lệ nghèo thường cao hơn các vùng khác. Có tới 61% số người nghèo tập trung tại các vùng miền núi phía Bắc, Bắc Trung Bộ, Tây Nguyên, duyên hải miền Trung.

- Nghèo đói ở Việt Nam thường xảy ra tập trung ở những nơi có điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, địa hình phức tạp, cơ sở hạ tầng yếu kém (như vùng miền núi phía Bắc, miền Trung và Tây Nguyên). Thiên tai, sự biến động xấu của thời tiết, sự kém

phát triển về hạ tầng cơ sở ở những khu vực này khiến cho điều kiện sinh sống và sản xuất của người dân càng thêm khó khăn; đã nghèo lại càng nghèo và trở nên cách biệt xa hơn so với thành thị.

- Đói nghèo tập trung ở nông thôn và gắn với tình trạng thuần nông.

Hiện nay, cả nước có 13,5 triệu hộ sống ở nông thôn, chiếm 75% tổng số hộ của cả nước. Trong đó, trên 80% số người nghèo là nông dân, trình độ văn hoá thấp, trình độ lành nghề kém, ít có điều kiện tiếp cận với các nguồn lực (vốn, công nghệ, kĩ thuật, thông tin,...), khó tiếp cận thị trường tiêu thụ sản phẩm và còn gặp nhiều khó khăn trong xác định phương hướng sản xuất - kinh doanh.

- Tình trạng đói nghèo ở Việt Nam tập trung phần lớn trong cộng đồng người dân tộc thiểu số. Số dân của các dân tộc ít người chỉ chiếm 14% tổng số dân cả nước, nhưng lại chiếm tới 29% tổng số người nghèo cả nước.

- Ở những vùng có tỉ lệ nghèo cao thì trình độ học vấn và chất lượng giáo dục thấp hơn hẳn so với những vùng khác. Các vùng như Tây Nguyên, trung du miền núi phía Bắc trình độ học vấn và chất lượng giáo dục thấp hơn hẳn so với các vùng khác.

Nghèo đói đã tác động xấu đến nhiều mặt của đời sống xã hội, đến sự phát triển kinh tế đất nước. Do ốm đau bệnh tật không đủ sức khoẻ, kĩ năng lao động thường là giản đơn, người nghèo không có khả năng đưa năng suất lao động lên cao, do đó đã làm giảm khả năng tăng trưởng và phát triển nền kinh tế. Không những thế, đói nghèo còn kéo theo bất bình đẳng xã hội, làm giảm chất lượng cuộc sống, giảm chất lượng nguồn nhân lực.

Nghèo đói cũng là nguyên nhân gây ảnh hưởng xấu tới tài nguyên, môi trường; nhất là tài nguyên đất, nước, rừng và môi trường sinh thái. Đói nghèo cũng là

nguyên nhân gây nên tình trạng mất ổn định và phát triển bền vững của xã hội.

Để nhanh chóng thoát khỏi đói nghèo, Đảng và Nhà nước ta chủ trương phải đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Chính vì vậy, trong 10 năm gần đây, nền kinh tế Việt Nam đạt tốc độ tăng trưởng khá, bình quân là 7,5%/năm. So với năm 1990, tổng sản phẩm trong nước GDP/đầu người năm 2005 đã tăng 2,3 lần; tích lũy nội bộ từ chỗ không đáng kể, năm 2005 đã đạt 32%; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng CNH, HĐH; cơ cấu hàng hoá tiêu dùng cũng chuyển dần từ hàng hoá chất lượng thấp, nghèo nàn về chủng loại sang hàng hoá có chất lượng cao, đa dạng. Bên cạnh những thành tựu kinh tế, chúng ta còn đạt được những kết quả đáng mừng trong cải thiện đời sống văn hoá tinh thần của xã hội. Từ đó, chỉ số về người sống dưới mức nghèo năm sau đã giảm hơn năm trước. Trong khoảng thời gian từ 1992 đến nay, với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ, sự cố gắng của các cấp, các ngành và các địa phương trên cả nước, các tầng lớp dân cư và của chính người nghèo, theo chuẩn nghèo của nước ta, tỉ lệ nghèo đói giảm nhanh từ 30,2% năm 1992 xuống 10% năm 2000 và ước tính 7% năm 2005.

Sở dĩ tình trạng đói nghèo vẫn còn kéo dài chưa chấm dứt và số người nghèo ở nước ta vẫn còn khá nhiều như vậy là do một số nguyên nhân sau:

Một là, những hộ nghèo thường thiếu lao động (do đông con hoặc ốm đau, bệnh tật, mất sức lao động), thiếu nguồn lực để sản xuất (như thiếu vốn, đất đai ít, thiếu công nghệ, kỹ thuật hiện đại, thiếu sự hỗ trợ kịp thời của cộng đồng).

Hai là, hầu hết người nghèo là nông dân, trình độ học vấn thấp, không có đủ điều kiện tiếp cận với dịch vụ kinh tế - xã hội, do đó đời sống càng trở nên nghèo nàn lạc hậu và tách biệt, không có khả năng chuyển đổi nghề nghiệp. Do vậy, họ

không có đủ điều kiện tiếp cận với những ngành nghề ổn định thu nhập cao. Khi đã rơi vào cảnh nghèo đói khiến con cái họ không có điều kiện tiếp tục học tập ở cấp học cao hơn, và cứ thế rơi vào vòng luẩn quẩn của nghèo đói từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Ba là, điều kiện tự nhiên, khí hậu khắc nghiệt, đất đai cằn cỗi, địa hình phức tạp và cách biệt, hạ tầng cơ sở kém.

Bốn là, ảnh hưởng của thiên tai và các rủi ro khác.

3. Những giải pháp xoá đói, giảm nghèo trong thời gian tới.

Để đẩy nhanh công tác XD,GN, giảm nhanh tình trạng đói nghèo ở nước ta, trong thời gian tới, cần thực hiện một số giải pháp sau:

Thứ nhất, về hệ thống giải pháp chung:

- Hoàn thiện hệ thống pháp luật về đất đai, tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng đất, nhất là cho người nghèo có đủ đất để sản xuất nông nghiệp. Đẩy nhanh quá trình tập trung, tích tụ ruộng đất để hình thành các trang trại sản xuất hàng hoá nông sản lớn ở nông thôn nhằm giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người nghèo.

- Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ở nông thôn, vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho người dân. Tăng cường công tác khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, hướng dẫn cách làm ăn nhằm giúp người nghèo khắc phục yếu kém của mình vươn lên thoát nghèo.

- Chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và cơ cấu sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp. Hỗ trợ vốn kết hợp với việc hướng dẫn sử dụng hiệu quả các nguồn vốn.

- Đầu tư nhiều hơn nữa cho giáo dục nhằm nâng cao dân trí, tạo tiền đề cho việc XD,GN. Giảm tỉ lệ tăng dân số và tăng cường công tác chăm sóc sức khoẻ cho người dân.

- Nâng cao hơn nữa trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của các cấp chính quyền và các đoàn thể trong công tác XD,GN.

Thứ hai, về hệ thống giải pháp cụ thể đối với các hộ đói nghèo:

Để XD,GN hiệu quả, bên cạnh đề ra giải pháp chung cần phải xem xét, đề ra giải pháp riêng đối với từng nhóm hộ. Do vậy, cần phải tăng cường công tác thống kê, phân loại hộ nghèo đói bằng cách thăm hỏi thường xuyên người dân để thấu hiểu tâm tư nguyện vọng của họ, những khó khăn họ gặp phải và nguyên nhân gây ra đói nghèo nhằm đề ra những giải pháp đối với từng nhóm hộ một cách cụ thể và phù hợp, giúp người nghèo chủ động tìm ra phương án thoát nghèo. Cụ thể:

- Đối với nhóm hộ đói: Nhóm hộ đói là nhóm hộ thường xuyên phải đối mặt với vấn đề lương thực, thực phẩm, thiếu ăn thường xuyên vì vậy, biện pháp cấp bách là hỗ trợ họ về lương thực, thực phẩm nhằm giải quyết vấn đề thiếu ăn trước mắt giúp họ ổn định ở mức tối thiểu về lương thực, thực phẩm đồng thời hỗ trợ họ về giống, vật tư để phục vụ sản xuất.

- Đối với nhóm hộ nghèo: Nhóm hộ nghèo là nhóm hộ không thiếu lương thực, thực phẩm nhưng đời sống chưa thực sự ổn định, sản xuất - kinh doanh còn nhiều hạn chế. Trong hoàn cảnh đó, những hộ nghèo thường có 2 xu hướng: có điều kiện phát triển kinh tế dần thoát nghèo và đi lên; khi bị rủi ro, thiên tai xảy ra trở thành hộ đói. Vì vậy, cần tạo điều kiện thuận lợi cho hộ nghèo vươn lên bằng cách ưu tiên cho vay vốn, tạo việc làm, hướng dẫn kĩ thuật sản xuất, áp dụng các biện pháp kĩ thuật, giống mới vào sản xuất, sử dụng vốn hiệu quả, quản lý kinh doanh và chỉ tiêu gia đình.

- Đối với nhóm hộ thoát nghèo: Nhóm hộ thoát nghèo là những hộ đã vượt qua tình trạng nghèo nhưng chưa ổn định về sản xuất, dễ trở lại tình trạng nghèo đói.

Vì vậy, bên cạnh việc áp dụng các biện pháp hỗ trợ như đối với hộ nghèo cần tích cực nghiên cứu các nguy cơ dẫn đến tái nghèo để tìm ra biện pháp phù hợp ngăn chặn tái nghèo, tạo cho họ thêm các nguồn lực để sản xuất, phát triển các ngành nghề phù hợp.

- Đối với nhóm hộ trung bình, khá: Những hộ thuộc nhóm có đời sống ổn định, có điều kiện phát triển sản xuất và đi lên, do vậy cần hỗ trợ giúp họ đầu tư vốn, kiến thức cho thâm canh, chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, phát triển các loại hình sản xuất, các mô hình sản xuất như vườn-ao-chuồng-rừng, trang trại,... tạo điều kiện cho họ vươn lên làm giàu.

- Đối với hộ giàu: Tạo điều kiện cho họ mở rộng quy mô sản xuất, áp dụng các biện pháp kĩ thuật sản xuất bằng cách hỗ trợ cho họ vay vốn phát triển sản xuất, tạo môi trường tốt cho họ kinh doanh giỏi, thành lập các tổ sản xuất - kinh doanh giỏi, các hiệp hội như hội làm vườn, hội chăn nuôi,... Phân loại hộ giàu và khuyến khích những người giàu có lòng hảo tâm, tương thân tương ái giúp đỡ cộng đồng thông qua một số hình thức như: hỗ trợ hộ nghèo về vốn, về giống cây, con, vật tư nông nghiệp, công cụ sản xuất, hướng dẫn cách thức làm ăn, tìm kiếm thị trường tiêu thụ sản phẩm. Khuyến khích việc nhân điển hình mở rộng quy mô sản xuất, phổ biến các mô hình làm ăn giỏi cho mọi người cùng học hỏi. Cần tổ chức các lớp tập huấn để người giàu hướng dẫn người nghèo cách thức làm ăn... Các tổ chức đoàn thể phối hợp phát động các phong trào như "nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi", "phụ nữ giúp nhau phát triển kinh tế hộ gia đình",... nhằm tạo ra phong trào sản xuất trong xã hội, qua đó, tạo ra cơ hội cho mọi người cùng giúp đỡ lẫn nhau vươn lên thoát nghèo, xây dựng cuộc sống ấm no, hạnh phúc □